

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 230/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phú C, sinh năm 1977; thường trú: Số 142/80 (số cũ 500A) đường Bình Thung, khu phố Bình T1, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1976; thường trú: Số 142/80 (số cũ 500A) đường Bình Thung, khu phố Bình T1, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Phú C trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh C và chị T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố A, tỉnh D theo giấy

chứng nhận kết hôn số 33KH, quyển số 1/99 ngày 05/4/1999. Việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ anh C tại: Số 142/80 (số cũ 500A) đường Bình Thung, khu phố Bình T1, phường A, thành phố A, tỉnh D cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian gần đây việc kinh doanh của anh C gặp khó khăn, kinh tế eo hẹp nên chị T tỏ ra khó chịu và coi thường anh C. Xảy ra chuyện gì anh C góp ý là chị T quay ra nói anh C là “anh làm thành công đi rồi lại nói tôi”. Bất đồng từ đó ngày càng trầm trọng dẫn đến xúc phạm chửi bới nhau những câu từ khó nghe. Vì thương các con nên hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm với nhau nhiều lần nhưng được một thời gian lại xảy ra mâu thuẫn và thậm chí còn trầm trọng hơn trước. Hiện nay vợ chồng còn sống chung với nhau nhưng đã ly thân về mặt tình cảm được hơn 01 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Anh C xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phú Gia B, sinh ngày 05/10/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phú Gia T, sinh ngày 09/11/2007. Tại đơn khởi kiện anh C đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu anh C trực tiếp nuôi cháu T nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn nên anh C đồng ý sẽ trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của anh C về thời gian tìm hiểu, chung sống cũng như đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng gần tết nguyên đán năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể, anh C gọi bạn về nhà nhậu kêu chị làm đồ nhậu thì do không hiểu nhau nên anh C trách móc chị không đối xử tốt với bạn bè anh C. Sau đó ít hôm anh C nhậu say rồi xuống nhà bố mẹ chị T trách móc nói sẽ ly hôn với chị T và từ đó chủ động ra trước sân nhà ngủ riêng (khi nằm võng, khi nằm ghé bố, khi trải nệm dưới đất nằm). Tính anh C khi giận là anh chủ động làm thịnh, chị T có nói gì anh không trả lời nên vợ chồng ít có cơ hội hàn gắn. Đến khoảng tháng 5/2020, anh C bán xe về mở tiệm bánh mì, thấy anh làm mình không có người phụ nên chị T chủ động xin nghỉ việc để về phụ anh buôn bán, từ đó anh C hết giận thì hai vợ chồng mới ngủ chung với nhau như trước đây. Cách đây khoảng 01 năm thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn trong việc kinh doanh nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và chưa có phương án nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo chị T những mâu thuẫn kể trên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong đời sống vợ chồng chứ không có gì nghiêm trọng, bản thân chị vẫn luôn chăm lo cho gia đình và vẫn còn tình cảm với anh C nên chị không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phú Gia B, sinh ngày 05/10/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phú Gia T, sinh ngày 09/11/2007. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn thì chị đồng ý giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã thực sự trầm trọng, chị T cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 01 năm nay nên có căn cứ giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung giao cháu Nguyễn Phú Gia T, sinh ngày 09/11/2007 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Anh Nguyễn Phú C khởi kiện chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại khu phố T 1, phường A, thành phố A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú C và chị Nguyễn Thị Mỹ T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố A, tỉnh D theo giấy chứng nhận kết hôn số 33KH, quyền số 1/99 ngày 05/4/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh C và chị T đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong chuyện sinh hoạt hàng ngày và chuyện kinh tế của gia đình. Anh C và chị T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng được một thời gian lại xảy ra mâu thuẫn, thậm chí là còn trầm trọng hơn. Hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà nhưng thực tế đã ly thân về mặt tình cảm được hơn 01 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Chị T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Hiện tại chị T vẫn còn tình cảm với anh C nhưng chị không có phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thương các con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị T không đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích

của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai không có giải pháp nào để khắc phục và đều thừa nhận cuộc sống có nhiều bất đồng, đã ly thân về mặt tình cảm được một thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh C yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phú Gia B, sinh ngày 05/10/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phú Gia T, sinh ngày 09/11/2007. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị T đồng ý giao con chung cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, anh C đồng ý và không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phú C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 229, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú C đối với chị Nguyễn Thị Mỹ T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 33KH, quyền số 1/99 ngày 05/4/1999 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố A, tỉnh D cấp).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Phú Gia T, sinh ngày 09/11/2007 cho anh Nguyễn Phú C trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Phú C và chị Nguyễn Thị Mỹ T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phú C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0049625 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam